

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỚI LAI
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 255/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 28-9-2020.

V/v: “*Không công nhận quan
hệ vợ chồng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI – THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Nguyễn Minh Trí

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lý Hồng Hạnh

2. Ông Lê Hoàng Long

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phục Hưng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Lai.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 220/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2020 về việc “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 339/2020/QĐXX-ST ngày 14 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Mộng T**, sinh năm 1989 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Ông **Phạm A P**, sinh năm 1984 (Có mặt)

HKTT: Ấp N, xã B, huyện Đ, tỉnh L.

Địa chỉ tạm trú: Ấp T, xã T, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

- Người có quyền lợi cần được bảo vệ: Cháu **Nguyễn Gia T**, nam, sinh ngày 28/3/2013.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mộng T trình bày: Bà và ông Phạm A P qua tìm hiểu, được sự chấp thuận của gia đình hai bên, ông bà tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, thường xuyên cự cãi, không thể hàn gắn được. Nay bà Nguyễn Thị Mộng T yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xin ly hôn với ông Phạm A P.

+ Về con chung: Ông bà có 01 con chung tên Nguyễn Gia T, nam, sinh ngày 28/3/2013. Hiện tại cháu T đang sống với bà. Khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T đến khi trưởng thành, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phạm A P thống nhất trình bày, yêu cầu của bà Nguyễn Thị Mộng T.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Mộng T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ông Phạm A P thống nhất ý kiến của bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Thị Mộng T có đơn yêu cầu xin ly hôn với ông Phạm A P nên quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Phạm A P có đăng ký tạm trú tại ấp T, xã T, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ nên Tòa án nhân dân huyện Thới Lai có thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mộng T và ông Phạm A P tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, nhiều lần cự cãi. Ông bà đã ly thân nhiều năm. Xét thấy hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Mộng T và ông Phạm A P đã mâu thuẫn nghiêm trọng, không thể hàn gắn được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mộng T.

Do bà Nguyễn Thị Mộng T và ông Phạm A P không đăng ký kết hôn theo quy định nên cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Mộng T và ông Phạm A P theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Ông bà có 01 con chung tên Nguyễn Gia T, nam, sinh ngày 28/3/2013. Hiện tại cháu T đang sống với bà Nguyễn Thị Mộng T. Bà T

yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T đến khi trưởng thành, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con. Ông P thống nhất với ý kiến về việc nuôi con chung của bà T. Cháu T có nguyện vọng được sống với bà T. Hội đồng xét xử nhận thấy đây là sự tự định đoạt của các đương sự, cháu T từ trước đến nay do bà T trực tiếp nuôi dưỡng và có nguyện vọng được sống với bà T nên cần ổn định để bà T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T đến khi trưởng thành. Ghi nhận ý kiến của các đương sự về việc ông P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận ý kiến thống nhất của đương sự không có tài sản chung, nợ chung. Nếu sau này các đương sự có tranh chấp thì khởi kiện thành vụ án khác.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mộng T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228; 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 14, 15, 53, 56, 58 Luật hôn nhân gia đình;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mộng T.
2. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Mộng T và ông Phạm A P.
3. Về con chung: Ông bà có 01 con chung tên Nguyễn Gia T, nam, sinh ngày 28/3/2013. Tiếp tục giao cháu Nguyễn Gia T cho bà Nguyễn Thị Mộng T nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành. Ông Phạm A P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Phạm A P, không ai được quyền ngăn cản ông Phạm A P thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận ý kiến của các đương sự không có tài sản chung, nợ chung.

5. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Mộng T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị Mộng T đã nộp theo biên lai thu số 015821 ngày 20/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ thành án phí, bà T không phải nộp thêm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND.TP. Cần Thơ;
- VKS huyện;
- THA huyện;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

Phan Nguyễn Minh Trí